

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Hồ Hải Thành  
Bà Võ Thị Phương

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương Trà - Thư ký Tòa án nhân dân  
quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:*** Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020, Thông báo v/v thay đổi thời gian mở phiên tòa số 171/2020/TB-TA ngày 27/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V**

Địa chỉ trụ sở: số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Hoàng Đức Q**, chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ theo văn bản ủy quyền số 03/2020/UQ-HĐQT ngày 02/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Văn bản ủy quyền số 784/2020/UQ-VPB ngày 10/3/2020 của Phó Giám đốc Trung tâm Pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, địa chỉ liên hệ: 112 đường P, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

- Bi đơn: Bà **Bùi Thi B**, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Tổ 75, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

-Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đại diện Ngân hàng TMCP V trình bày:

Vào ngày 19/11/2016, bà Bùi Thị B có vay của Ngân hàng TMCP V theo Giấy Đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) số LD 1634801986 với số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn cho vay 48 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 30,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tiền phạt chậm trả lãi được tính bằng công thức: Số tiền chậm trả (x) số ngày chậm trả (x) lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn.

Thực hiện hợp đồng, vào ngày 13/12/2016 Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 150.000.000 đồng cho bà Bùi Thị B. Đến nay, bà Bùi Thị B mới chỉ thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền 206.678.621 đồng, trong đó nợ gốc là 89.437.454 đồng và số tiền nợ lãi là 117.241.167 đồng. Kể từ ngày 13/5/2019, bà Bùi Thị B không thanh toán đúng hạn mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần dùng biện pháp để thu hồi nợ, do đó đến ngày 13/8/2019 khoản nợ của bà B chuyển sang quá hạn.

Việc bà Bùi Thị B trễ hạn thanh toán đã vi phạm Hợp đồng tín dụng và Điều 6 của Bộ Điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử là một phần không tách rời của hợp đồng được công bố tại Website để áp dụng cho các bên đề nghị vay vốn.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Bùi Thị B thanh toán toàn bộ số tiền gốc 60.562.546 đồng và tiền lãi tính đến ngày 11/9/2020 là 17.803.800 đồng, trong đó lãi trong hạn còn lại đến 12/8/2019 chưa thanh toán là 2.170.891 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 13/8/2019 đến ngày 11/9/2019 là 15.633.209 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 78.366.346 đồng và yêu cầu tính lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi thì Ngân hàng không yêu cầu.

- Bị đơn bà Bùi Thị B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà vẫn vắng mặt, không có ý kiến.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại khoản 5 Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đã không chấp hành các quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, buộc bà Bùi Thị B phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 60.562.546 đồng và tiền lãi tính đến ngày 11/9/2020 là 17.803.800 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 78.366.346 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Bùi Thị B cư trú tại quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Bị đơn bà Bùi Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vắng bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số LD 1634801986 ngày 19/11/2016, lịch sử thanh toán, lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định bà Bùi Thị B có vay của Ngân hàng TMCP V số tiền 150.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải

ngân là 30,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tiền phạt chậm trả lãi được tính bằng công thức: Số tiền chậm trả (x) số ngày chậm trả (x) lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn. Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 150.000.000 đồng cho bà Bùi Thị B. Từ khi vay cho đến nay, bà Bùi Thị B thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền 206.678.621 đồng, trong đó nợ gốc là 89.437.454 đồng và số tiền nợ lãi là 117.241.167 đồng. Bà Bùi Thị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 13/5/2019, khoản nợ chuyển sang quá hạn từ ngày 13/8/2019.

[2.2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ bà Bùi Thị B để giải quyết vụ án nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do, việc bà Bùi Thị B không đến Tòa án trình bày ý kiến phản đối, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa cho thấy bà đã từ bỏ quyền chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3]. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng nêu trên, thấy rằng việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên được điều chỉnh theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động cho vay tiêu dùng.

[2.4]. Việc bà Bùi Thị B vi phạm nghĩa vụ thanh toán là đã vi phạm Hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận và Điều 6 của Bộ Điều khoản điều kiện cho vay là một phần không tách rời của hợp đồng được công khai tại trang thông tin điện tử của Ngân hàng để áp dụng cho các bên đề nghị vay vốn. Do đó, Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị B phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc là 60.562.546 đồng và tiền lãi tính đến ngày 11/9/2020 là 17.803.800 đồng, tổng cộng là 78.366.346 đồng và lãi suất tiếp tục phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Bùi Thị B phải chịu án phí tranh chấp dân sự có giá ngạch trên số tiền phải trả, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;
- Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP V đối với bà Bùi Thị B

1. Buộc bà Bùi Thị B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 78.366.346đ (Bảy mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, ba trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó:

Tiền gốc là 60.562.546 đồng

Tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2020 là 17.803.800 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD 1634801986 ngày 19/11/2016. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

**2. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Bùi Thị B phải chịu 3.918.317đ (Ba triệu, chín trăm mười tám nghìn, ba trăm mười bảy đồng)

Ngân hàng TMCP V không chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 1.923.000đ (Một triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số: 0006055 ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Thị Thúy Hằng**